

# Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ –  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 45

10  
PH  
JA  
12

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên
Ông Đinh Quang Hoàn	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Tông**  
**Phó Tổng Giám đốc**

*Ngày 28 tháng 8 năm 2015*  
*Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam*

30  
TY  
VI  
AU  
TY  
I AN  
T O C

Số: *0135* /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2015, từ trang 4 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại và trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ



Đặng Chí Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 8 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1924-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN/HN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7.405.058.555.614</b>	<b>7.200.752.688.114</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>5.327.392.852.447</b>	<b>5.078.299.954.021</b>
1. Tiền	111		307.892.852.447	151.773.287.354
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.019.500.000.000	4.926.526.666.667
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>77.119.148.009</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		75.000.000.000	77.119.148.009
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>612.740.962.027</b>	<b>406.076.671.375</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	370.679.064.539	174.789.878.438
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	96.419.663.040	88.841.597.580
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	267.182.537.303	264.036.902.646
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(121.591.707.289)	(121.591.707.289)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		51.404.434	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>1.250.229.579.622</b>	<b>1.491.901.174.015</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.253.823.708.988	1.492.182.549.952
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.594.129.366)	(281.375.937)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>139.695.161.518</b>	<b>147.355.740.694</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	21.038.444.859	16.540.850.938
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		115.503.897.885	126.299.049.017
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	3.152.818.774	4.515.840.739
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.753.800.181.596</b>	<b>2.910.257.813.585</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>19.226.902.000</b>	<b>1.749.902.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	19.226.902.000	1.749.902.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.942.362.735.173</b>	<b>2.048.617.374.641</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.033.971.975.193	1.133.009.443.261
- Nguyên giá	222		7.344.812.411.296	7.325.619.743.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.310.840.436.103)	(6.192.610.300.201)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	908.390.759.980	915.607.931.380
- Nguyên giá	228		1.149.011.901.383	1.148.328.298.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(240.621.141.403)	(232.720.366.642)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>268.847.678.939</b>	<b>274.190.461.027</b>
- Nguyên giá	231		314.530.971.192	314.530.971.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(45.683.292.253)	(40.340.510.165)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>398.851.964.168</b>	<b>246.836.829.085</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	398.851.964.168	246.836.829.085
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>51.470.141.105</b>	<b>230.017.094.841</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		31.304.011.391	209.850.965.127
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.502.000.000	20.502.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(335.870.286)	(335.870.286)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>73.040.760.211</b>	<b>108.846.151.991</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	30.346.718.754	43.566.513.172
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	42.694.041.457	65.279.638.819
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>10.158.858.737.210</b>	<b>10.111.010.501.699</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 45 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
			(Phân loại lại)	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.091.423.087.453</b>	<b>1.106.070.665.154</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>926.701.527.187</b>	<b>1.043.932.696.846</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	293.969.859.726	364.668.057.846
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	68.431.085.758	39.360.737.225
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	61.558.033.210	52.084.947.515
4. Phải trả người lao động	314		77.919.889.719	79.926.390.391
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	131.158.760.582	64.130.128.196
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		877.285.711	21.747.446
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	76.665.837.434	67.855.304.671
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	44.759.334.911	93.520.912.889
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	91.354.529.862	217.455.312.628
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		80.006.910.274	64.909.158.039
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>164.721.560.266</b>	<b>62.137.968.308</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.518.203.928	2.853.964.450
2. Phải trả dài hạn khác	337	22	6.177.584.074	6.177.584.074
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	97.593.191.732	1.125.866.779
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	7.083.333.334	-
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		51.349.247.198	51.980.553.005
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>9.067.435.649.757</b>	<b>9.004.939.836.545</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>9.067.435.649.757</b>	<b>9.004.939.836.545</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.038.189.054	2.397.482.187
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(719.794)	(719.794)
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.498.034.546.575	3.495.964.052.370
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	1.014.770.873
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.524.953.572.125	1.469.879.831.035
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		833.830.925.325	1.040.964.345.963
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		691.122.646.800	428.915.485.072
9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		221.526.978.059	216.801.330.136
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>10.158.858.737.210</b>	<b>10.111.010.501.699</b>

Trần Xuân Thảo  
Người lập biểu

Huỳnh Kim Nhân  
Kế toán trưởng



Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 45 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 02a-DN/HN**

Đơn vị: VND

Từ 01/01/2014

đến 30/6/2014

(Trình bày lại)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.175.152.106.600	5.004.186.868.610
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		47.133.889.096	24.881.605.737
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	5.128.018.217.504	4.979.305.262.873
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	3.561.680.966.876	3.662.246.987.301
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.566.337.250.628	1.317.058.275.572
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	129.970.151.527	145.637.388.290
7. Chi phí tài chính	22	31	3.083.689.977	1.927.213.810
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.355.949.426	1.245.395.593
8. Phần (lỗ) trong công ty liên kết	24		(167.986.199.299)	(112.570.702.356)
9. Chi phí bán hàng	25	32	343.283.055.515	345.343.548.254
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	231.422.821.968	253.928.454.435
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		950.531.635.396	748.925.745.007
12. Thu nhập khác	31		2.389.479.324	8.393.162.071
13. Chi phí khác	32		317.647.167	1.405.925.759
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.071.832.157	6.987.236.312
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		952.603.467.553	755.912.981.319
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	144.602.590.265	89.470.399.334
17. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	22.585.597.362	(5.545.437.852)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		785.415.279.926	671.988.019.837
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông của Công ty mẹ	61		768.305.186.749	650.769.048.599
18.2. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		17.110.093.177	21.218.971.238
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.810	1.544

Trần Xuân Thảo  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Huỳnh Kim Nhân  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 45 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 03a-DN/HN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (Phân loại lại)</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>952.603.467.553</b>	<b>755.912.981.319</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	131.777.351.959	129.089.484.353
Các khoản dự phòng	03	95.571.592.827	60.598.603.387
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	33.095.831	-
Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	39.505.474.292	(32.658.141.422)
Chi phí lãi vay	06	1.355.949.426	1.245.395.593
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.220.846.931.888</b>	<b>914.188.323.230</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(151.648.393.567)	(188.592.524.973)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	238.358.840.964	(62.296.523.404)
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(185.807.915.055)	(96.423.116.128)
Giảm chi phí trả trước	12	8.722.200.497	9.915.101.813
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.355.949.426)	(1.245.395.593)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(136.277.742.767)	(32.560.948.163)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(149.439.594.801)	(120.019.608.334)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>843.398.377.733</b>	<b>422.965.308.448</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(209.396.166.473)	(55.941.448.106)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.040.000	236.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(873.765.094)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.119.148.009	261.807.915.817
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(28.563.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	4.606.214.100	-
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	130.436.441.623	144.658.495.602
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(72.228.322.741)</b>	<b>321.324.652.764</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 45 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

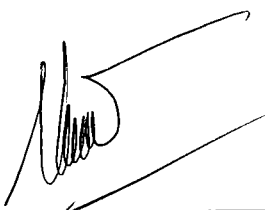
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015


**MẪU SỐ B 03a-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (Phân loại lại)	
		Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	180.279.353.140	62.511.524.788
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(132.573.606.165)	(97.925.695.004)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(569.739.284.625)	(942.341.724.125)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(522.033.537.650)</b>	<b>(977.755.894.341)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>249.136.517.342</b>	<b>(233.465.933.129)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.078.299.954.021</b>	<b>4.032.386.358.314</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(43.618.916)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.327.392.852.447</b>	<b>3.798.920.425.185</b>



Trần Xuân Thảo  
Người lập biểu



Huỳnh Kim Nhân  
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tông  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 45 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

# TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác.
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản.
- Đào tạo nghề.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển, sông; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty có 06 công ty con, 02 công ty liên kết, 01 chi nhánh, 01 Nhà máy và 01 Văn phòng đại diện. Cụ thể bao gồm:

- Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn phòng đại diện tại Myanmar

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Thông tin khái quát về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền		Mối quan hệ
			biểu quyết (%)	Hoạt động chính	
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	TP. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (*)	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	43,34	43,34	Sản xuất bao bì	Công ty con
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	81,38	81,38	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	TP. Cà Mau	25,99	25,99	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	TP. Hải Phòng	35,63	35,63	Sản xuất và mua bán xơ sợi polyester	Công ty liên kết

(\*) Mặc dù Tổng Công ty không sở hữu trên 50% vốn góp của Công ty Cổ Phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ nhưng vẫn nắm quyền chi phối do Tổng Công ty vẫn được quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm phần lớn các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động của công ty con này. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, quyền chi phối của Tổng Công ty đối với Công ty Cổ phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ đã được xác định chắc chắn và việc xác định công ty này là công ty con của Tổng Công ty là phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại và trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

TY/S  
UHA  
E  
M  
H

546  
NG T  
ON V  
ĐẦU  
TY  
HÂN  
TỔ C

## TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

##### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

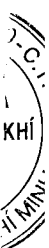
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

##### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.



**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay, nợ thuê tài chính và dự phòng phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có). Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	3

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền sáng chế, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Từ ngày 01/01/2015

đến ngày 30/6/2015

Số năm

Quyền sử dụng đất

44 - 50

Nhà cửa, vật kiến trúc

25

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, tiền thuê đất, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Trong đó:

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản trả trước (Tiếp theo)**

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và một số chi phí khác được coi là mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai trên một năm. Các khoản chi phí trả trước này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn và lãi chênh lệch tỷ giá. Trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

# TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lỗ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Cambodia tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 không được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà được trình bày trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), tuy nhiên sự khác biệt này không gây ra ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Tổng Công ty.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.518.409.963	1.451.261.470
Tiền gửi ngân hàng	306.374.442.484	150.322.025.884
Các khoản tương đương tiền (*)	5.019.500.000.000	4.926.526.666.667
	<u>5.327.392.852.447</u>	<u>5.078.299.954.021</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,0%/năm đến 5,0%/năm.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<u>30/6/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	75.000.000.000	75.000.000.000	77.119.148.009	77.119.148.009

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,0%/năm đến 5,7%/năm.

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	662.700.000.000	31.304.011.391	662.700.000.000	209.850.965.127
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	100.000.000.000	56.652.494	100.000.000.000	11.461.412.775
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	562.700.000.000	31.247.358.897	562.700.000.000	198.389.552.352
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	20.502.000.000	(335.870.286)	20.502.000.000	(335.870.286)
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	3.600.000.000	(335.870.286)	3.600.000.000	(335.870.286)
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Ut Xi	16.902.000.000	-	16.902.000.000	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cần được trình bày. Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, đồng thời Tổng Công ty cũng không thể thu thập được các thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do đó giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa thể xác định được để trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	30/6/2015		31/12/2014	
	Tổng tài sản VND	Tổng công nợ VND	Tổng tài sản VND	Tổng công nợ VND
				Tài sản thuần của Tổng Công ty VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	7.386.581.345.122	7.240.468.141.757	7.691.419.828.506	6.899.667.726.419
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	326.867.942.810	326.682.303.758	337.765.450.027	334.323.055.159
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	7.059.713.402.312	6.913.785.837.999	7.353.654.378.479	6.565.344.671.260
				209.850.965.127
				11.461.412.775
				198.389.552.352

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	
	Doanh thu thuần VND	(Lỗ) thuần từ Công ty liên kết VND	Doanh thu thuần VND	(Lỗ) thuần từ Công ty liên kết VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.029.033.822.643	(645.166.169.905)	229.808.523.410	(656.283.635.338)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	44.140.096.508	(3.267.742.539)	41.215.469.159	(14.385.207.972)
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	984.893.726.135	(641.898.427.366)	188.593.054.251	(641.898.427.366)
				(112.570.702.356)
				(3.853.051.256)
				(108.717.651.100)

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Vinh Hoàng	27.828.858.500	2.582.113.310
Công ty TNHH TMDV Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	25.395.120.000	3.510.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	24.011.935.500	-
Công ty TNHH Thủy Minh Khoa	23.483.223.095	2.286.707.545
Khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	11.818.365.658	5.501.885.160
Các khách hàng khác	258.141.561.786	160.909.172.423
	<u><b>370.679.064.539</b></u>	<u><b>174.789.878.438</b></u>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tập đoàn TOYO Việt Nam	19.775.000.000	59.325.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan	9.153.800.000	9.153.800.000
Công ty Cổ phần Truyền thông PSC	6.409.700.162	315.750.000
Công ty TNHH Yokogawa Việt Nam	7.179.278.400	-
Người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	13.678.858.485	7.165.677.758
Ứng trước cho các nhà cung cấp khác	40.223.025.993	12.881.369.822
	<u><b>96.419.663.040</b></u>	<u><b>88.841.597.580</b></u>

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Phân loại lại) VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	110.143.267.289
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	101.207.873.164	-
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	18.285.133.591	20.177.721.324
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc (ii)	12.792.091.037	12.792.091.037
Tạm ứng cho người lao động	6.327.858.092	1.627.791.124
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	45.000.000	48.000.000
Thuế GTGT được hoàn của Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	106.450.370.984
Khác	18.381.314.130	12.794.660.888
	<u><b>267.182.537.303</b></u>	<u><b>264.033.902.646</b></u>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký cược ký quỹ dài hạn	899.902.000	949.902.000
Góp vốn hợp tác kinh doanh (iii)	18.280.540.000	800.000.000
Khác	46.460.000	-
	<u><b>19.226.902.000</b></u>	<u><b>1.749.902.000</b></u>

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

- (i) Số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện khoản thanh toán theo cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (“PVTEX”). Nghĩa vụ thanh toán phát sinh do Tổng Công ty đã ký 2 Cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX. Trong năm 2014, Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả thay cho PVTEX một phần khoản vay trung hạn đầu tư xây dựng nhà máy và khoản vay ngắn hạn để vận hành chạy thử cùng với lãi suất với số tiền tổng cộng là 389,4 tỷ đồng, theo đó, Tổng Công ty đã hoàn trả cho Tập đoàn số tiền tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty vào PVTEX là 101,2 tỷ đồng.

Theo các Biên bản thỏa thuận giữa PVN, PVTEX và Tổng Công ty, PVN sẽ chịu trách nhiệm thu hồi nợ gốc và lãi vay đối với các khoản bảo lãnh mà các bên đã trả thay PVTEX. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày PVN thu được khoản tiền trả nợ từ PVTEX (bao gồm cả số tiền gốc thanh toán và lãi vay), PVN sẽ hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền tính theo tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại PVTEX. Lãi suất nhận nợ được xác định bằng lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày Tổng Công ty trả tiền thực hiện bảo lãnh đối ứng cho PVN.

- (ii) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (“PVGN”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh khoản tiền bảo hiểm thiệt hại công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng, số tiền bảo hiểm thiệt hại đã được cơ quan bảo hiểm đền bù nhưng PVGN chưa chuyển trả cho Tổng Công ty.
- (iii) Phản ánh khoản góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án CO2 thương phẩm của Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam (“PVSBD”) với Công ty Cổ phần F.A và Nhà máy Đạm Phú Mỹ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân số BCC279/2014/PVFCO/HC-SBD-FA ngày 06 tháng 5 năm 2014. Theo điều khoản hợp đồng, tổng số vốn góp của PVSBD là 64 tỷ đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, PVSBD đã góp khoảng 18,2 tỷ đồng.

**10. NỢ XẤU**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể	Giá gốc	Giá trị có thể
		thu hồi		thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	119.297.067.289	-	119.297.067.289	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	110.143.267.289	-	110.143.267.289	-
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan (ii)	9.153.800.000	-	9.153.800.000	-

- (i) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- (ii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.



**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đi đường	204.746.667.310	-	288.454.892.852	-
Nguyên liệu, vật liệu	368.560.866.369	-	499.192.205.959	-
Công cụ, dụng cụ	2.957.770.888	-	4.852.076.337	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	58.834.516.112	-	46.750.905.139	-
Thành phẩm	120.026.682.035	-	344.320.570.248	-
Hàng hoá	498.697.206.274	(3.594.129.366)	308.611.899.417	(281.375.937)
<b>Cộng</b>	<b>1.253.823.708.988</b>	<b>(3.594.129.366)</b>	<b>1.492.182.549.952</b>	<b>(281.375.937)</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số hàng hóa có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền 3.594.126.366 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 281.375.937 đồng).

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm tài sản	9.613.681.728	9.518.700.811
Trả trước tiền thuê đất	6.777.447.370	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.647.315.761	7.022.150.127
	<b>21.038.444.859</b>	<b>16.540.850.938</b>
<b>Dài hạn</b>		
Trả trước tiền thuê đất	13.164.494.841	9.573.023.571
Công cụ dụng cụ phân bổ	10.063.377.042	15.734.967.845
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.118.846.871	18.258.521.756
	<b>30.346.718.754</b>	<b>43.566.513.172</b>

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	1.637.402.590.773	5.432.191.851.881	126.207.669.681	122.457.969.152	7.359.661.975	7.325.619.743.462
Mua sắm mới	3.721.921.238	1.719.998.515	10.508.524.537	3.579.051.635	-	19.529.495.925
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(336.828.091)	-	(336.828.091)
Phân loại lại	-	(25.648.821)	-	25.648.821	-	-
Tại ngày 30/6/2015	1.641.124.512.011	5.433.886.201.575	136.716.194.218	125.725.841.517	7.359.661.975	7.344.812.411.296
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	835.803.982.739	5.195.716.107.958	81.508.071.921	76.657.076.568	2.925.061.015	6.192.610.300.201
Trích khấu hao trong kỳ	45.476.559.538	55.856.878.380	5.037.143.775	10.933.135.975	1.194.077.442	118.497.795.110
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(267.659.208)	-	(267.659.208)
Phân loại lại	(432.420.467)	(8.628.333)	432.420.467	8.628.333	-	-
Tại ngày 30/6/2015	880.848.121.810	5.251.564.358.005	86.977.636.163	87.331.181.668	4.119.138.457	6.310.840.436.103
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2015	760.276.390.201	182.321.843.570	49.738.558.055	38.394.659.849	3.240.523.518	1.033.971.975.193
Tại ngày 31/12/2014	801.598.608.034	236.475.743.923	44.699.597.760	45.800.892.584	4.434.600.960	1.133.009.443.261

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 5.382.000.035.408 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.363.972.216.156 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, một số nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại khoảng 96,6 tỷ đồng đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng (như trình bày tại Thuyết minh 24).

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	913.888.881.862	171.736.726.176	52.367.493.588	10.335.196.396	1.148.328.298.022
Tăng trong kỳ	-	-	719.603.361	-	719.603.361
Giảm khác	-	-	(36.000.000)	-	(36.000.000)
Tại ngày 30/6/2015	913.888.881.862	171.736.726.176	53.051.096.949	10.335.196.396	1.149.011.901.383
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	16.379.378.701	169.035.688.047	37.091.149.719	10.214.150.175	232.720.366.642
Trích khấu hao trong kỳ	2.482.229.141	1.251.551.338	4.132.547.792	70.446.490	7.936.774.761
Giảm khác	-	-	(36.000.000)	-	(36.000.000)
Tại ngày 30/6/2015	18.861.607.842	170.287.239.385	41.187.697.511	10.284.596.665	240.621.141.403
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2015	895.027.274.020	1.449.486.791	11.863.399.438	50.599.731	908.390.759.980
Tại ngày 31/12/2014	897.509.503.161	2.701.038.129	15.276.343.869	121.046.221	915.607.931.380

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 178.769.688.555 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 178.805.688.555 đồng).

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	84.498.516.000	230.032.455.192	314.530.971.192
Tại ngày 30/6/2015	84.498.516.000	230.032.455.192	314.530.971.192
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	6.092.502.718	34.248.007.447	40.340.510.165
Trích khấu hao trong kỳ	735.071.070	4.607.711.018	5.342.782.088
Tại ngày 30/6/2015	6.827.573.788	38.855.718.465	45.683.292.253
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2015	77.670.942.212	191.176.736.727	268.847.678.939
Tại ngày 31/12/2014	78.406.013.282	195.784.447.745	274.190.461.027

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai; Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>30/06/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	398.851.964.168	246.836.829.085
Trong đó:		
Dự án UFC 85/Formaldehyde (*)	224.715.800.539	75.732.962.614
Dự án Amoniac	46.248.899.367	46.248.899.367
Dự án nhà Cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.342.070.618
Kho Tây Ninh	23.573.596.728	23.573.596.728
Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 nhà máy Đạm	24.382.002.017	23.451.226.161
Phụ Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK		
Các dự án khác	43.589.594.899	41.488.073.597
	<u>398.851.964.168</u>	<u>246.836.829.085</u>

(\*) Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ chi phí đầu tư của Dự án Xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là khoảng 224,7 tỷ đồng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

**17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	Lợi nhuận chưa thực hiện	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	13.767.908.411	11.656.179.678	3.341.130.982	-	28.765.219.071
Ghi nhận trong năm	(6.498.452.770)	30.179.691.223	5.681.380.012	7.151.801.283	36.514.419.748
Tại ngày 01/01/2015	7.269.455.641	41.835.870.901	9.022.510.994	7.151.801.283	65.279.638.819
Ghi nhận trong kỳ	-	(13.926.691.149)	(7.153.493.216)	(1.505.412.997)	(22.585.597.362)
Tại ngày 30/6/2015	7.269.455.641	27.909.179.752	1.869.017.778	5.646.388.286	42.694.041.457

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tập đoàn TOYO Việt Nam	30.132.500.000	29.662.500.000
Baker Hughes Asia Pacific Ltd.,	30.168.906.910	12.005.037.500
Người bán là các bên liên quan	111.224.546.156	234.020.408.834
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)		
Các nhà cung cấp khác	122.443.906.660	88.980.111.512
	<u>293.969.859.726</u>	<u>364.668.057.846</u>

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH TMDV Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	21.061.149.500	79.278.874
Người mua là các bên liên quan	4.391.188.146	5.015.288.623
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)		
Các khách hàng khác	42.978.748.112	34.266.169.728
	<u>68.431.085.758</u>	<u>39.360.737.225</u>



**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	(1.247.502)	462.406.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.275.864.385	48.951.016.887
Thuế thu nhập cá nhân	4.269.907.607	2.615.904.322
Các loại thuế khác	13.508.720	55.620.199
	<u>61.558.033.210</u>	<u>52.084.947.515</u>

Tình hình nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu kỳ tới cuối kỳ			30/6/2015
	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	462.406.107	4.545.160.235	5.008.813.843	(1.247.501)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	16.432.442.059	16.432.442.059	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	39.617.947.549	39.617.947.549	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.798.198.113	144.602.590.265	136.277.742.767	54.123.045.611
Thuế thu nhập cá nhân	1.255.882.357	26.258.595.973	23.244.570.724	4.269.907.606
Thuế tài nguyên	30.299.840	157.172.480	175.201.600	12.270.720
Thuế bảo vệ môi trường	498.000	25.160.000	24.420.000	1.238.000
Thuế môn bài	(3.000.000)	33.000.000	30.000.000	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	24.822.359	174.985.376	199.807.735	-
Các loại thuế khác	-	466.357	466.357	-
<b>Cộng</b>	<u>47.569.106.776</u>	<u>231.847.520.294</u>	<u>221.011.412.634</u>	<u>58.405.214.436</u>
trong đó:				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52.084.947.515			61.558.033.210
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	4.515.840.739			3.152.818.774

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Phân loại lại) VND
Phí quản lý phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	7.310.127.468	-
Chi phí an sinh xã hội (ii)	43.063.434.852	32.058.808.019
Chi phí phải trả khác	80.785.198.262	32.071.320.177
	<u>131.158.760.582</u>	<u>64.130.128.196</u>

(i) Tiền phí quản lý phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được trích bằng 0,5% doanh thu thuần phát sinh trong kỳ theo Nghị quyết số 8317/NG-DKVN ngày 01 tháng 11 năm 2009 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý số 6392/HĐ-DKVN ngày 30 tháng 9 năm 2013.

(ii) Chi phí an sinh xã hội trong kỳ được trích theo Nghị quyết số 992/NQ-DKVN ngày 27 tháng 4 năm 2015 và Công văn số 1205/DKVN-TCNS ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư chi phí an sinh xã hội phải trả cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 43.063.434.852 đồng.

31  
NG  
ÂN  
CH  
CỔ  
CỔ  
7-7

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Cổ tức phải trả	25.350.574.089	25.188.468.714
Phải trả chiết khấu	31.553.957.820	17.993.485.335
Phải trả ngắn hạn khác	19.761.305.525	24.673.350.622
	<u>76.665.837.434</u>	<u>67.855.304.671</u>
<b>Phải trả dài hạn khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.177.584.074	6.177.584.074
	<u>6.177.584.074</u>	<u>6.177.584.074</u>

**23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2015 cho Nhà máy	71.179.694.332	217.105.262.533
Trích trước chi phí bảo dưỡng GAS TURBINE năm 2016	19.840.105.265	-
Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	334.730.265	350.050.095
	<u>91.354.529.862</u>	<u>217.455.312.628</u>
<b>Dài hạn</b>		
Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2017 cho Nhà máy	7.083.333.334	-
	<u>7.083.333.334</u>	<u>-</u>

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	91.740.870.923	91.740.870.923	80.251.710.740	130.985.007.084	41.007.574.579	41.007.574.579
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	21.455.796.223	21.455.796.223	75.790.050.515	58.699.932.384	38.545.914.354	38.545.914.354
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.308.574.700	5.308.574.700	4.461.660.225	7.308.574.700	2.461.660.225	2.461.660.225
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	12.476.500.000	12.476.500.000	-	12.476.500.000	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	52.500.000.000	52.500.000.000	-	52.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.780.041.966	1.780.041.966	3.419.655.166	1.447.936.800	3.751.760.332	3.751.760.332
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	1.115.831.634	1.115.831.634	-	1.115.831.634	-	-
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông	664.210.332	664.210.332	1.286.331.166	332.105.166	1.618.436.332	1.618.436.332
Ngân hàng TMCP Nam Á - Phòng giao dịch Hòa Bình	-	-	1.999.992.000	-	1.999.992.000	1.999.992.000
	-	-	133.332.000	-	133.332.000	133.332.000
	<b>93.520.912.889</b>	<b>93.520.912.889</b>	<b>83.671.365.906</b>	<b>132.432.943.884</b>	<b>44.759.334.911</b>	<b>44.759.334.911</b>

- (i) Khoản vay bằng đồng Việt Nam từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 2012/DMPP HĐHM và Phụ lục số PL08- 2012/ĐPMM-HĐHM ngày 8 tháng 5 năm 2015 với hạn mức vay là 45 tỷ đồng trong đó doanh số cho vay tối đa bằng USD là 1.080.000 USD, thời hạn rút vốn đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2016, lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất công bố của Ngân hàng. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 34.640.696.004 đồng và 179.335,00 USD tương đương 3.905.218.350 đồng.
- (ii) Khoản vay bằng đồng Việt Nam từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 188/2014/HĐHM/CMB-HCM ngày 29 tháng 5 năm 2014 với hạn mức vay là 15 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại từng thời điểm rút vốn. Khoản vay được đảm bảo bằng tiền mặt/tiền gửi/số tiết kiệm của công ty mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Số dư khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.461.660.225 đồng.



**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MÃ SỐ B 09a-DN/HN**

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	31/12/2014				30/6/2015					
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND		VND			
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	-	-	91.337.500.000	-	91.337.500.000	-	-	91.337.500.000	91.337.500.000	
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.245.382.915	1.245.382.915	-	1.245.382.915	-	-	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	1.660.525.830	1.660.525.830	2.290.142.400	332.105.166	3.618.563.064	3.618.563.064	3.618.563.064	3.618.563.064	3.618.563.064	
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông (iii)	-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Nam Á - Phòng giao dịch Hòa Bình (iv)	-	-	400.000.000	11.111.000	388.889.000	388.889.000	388.889.000	388.889.000	388.889.000	
<b>Cộng</b>	<b>2.905.908.745</b>	<b>2.905.908.745</b>	<b>100.027.642.400</b>	<b>1.588.599.081</b>	<b>101.344.952.064</b>	<b>101.344.952.064</b>	<b>101.344.952.064</b>	<b>101.344.952.064</b>	<b>101.344.952.064</b>	
<b>Trong đó:</b>										
<i>Số phải trả trong vòng 12 tháng</i>		1.780.041.966							3.751.760.332	
<i>Số phải trả sau 12 tháng</i>		1.125.866.779							97.593.191.732	

(i) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay số 03/2015/HDDA-PVB-CNHC.M.QLDT ngày 26 tháng 01 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh và Tổng Công ty với hạn mức vay là 347.574.411.133 VND nhằm mục đích bổ sung vốn đầu tư vào dự án Xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Thời hạn vay tối đa là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi suất biên (2,5%/năm). Lãi vay được trả 06 tháng/lần tính trên dư nợ thực tế vào ngày 26 hàng tháng.

Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị dự án xây dựng công trình xưởng sản xuất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng nêu trên.





**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(ii) Gồm 2 khoản vay:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/HĐTD/BBĐPM ngày 08 tháng 4 năm 2014 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu có hạn mức cho vay tương đương 94.370,40 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm máy móc thiết bị. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trung hạn theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu tại thời điểm nhận nợ và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I. Số dư khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.328.420.664 đồng.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02-2014/HĐTD/ BBĐPM ngày 12 tháng 12 năm 2014 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu có hạn mức cho vay tương đương 119.840,00 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm máy móc thiết bị. Lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng; trả lãi sau theo thông báo của Ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Vũng Tàu +2,5%/năm. Lãi suất vay được điều chỉnh ba (03) tháng một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà cửa, văn phòng, công trình nhà máy Bao bì Đạm Phú Mỹ tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp 01-2013/HĐTC/BBĐPM ngày 09/12/2013 và Máy móc thiết bị được quy định trong hợp đồng thế chấp số 02-2013/HĐTC/BBĐPM. Số dư khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.290.142.400 đồng.

(iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0103/2015/925 ngày 26 tháng 6 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông với số tiền vay 6.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm 03 xe khách Daewoo Bus FX12. Lãi suất cho vay 11,2%/năm và được điều chỉnh ba (03) tháng một lần. Lãi vay được trả vào ngày 29 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng ba (03) xe ô tô khách 45+2 chỗ Daewoo Bus FX12. Số dư khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 6.000.000.000 đồng.

(iv) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0089/2015/925 ngày 28 tháng 5 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Nam Á - Phòng Giao dịch Hòa Bình với số tiền vay là 400.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua xe Lãi suất cho vay 11,2%/năm và được điều chỉnh ba (03) tháng một lần. Lãi vay được trả vào ngày 29 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô bán tải 5 chỗ Ford Ranger 4x2 XLS AL. Số dư khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 388.889.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.751.760.332	1.780.041.966
Trong năm thứ hai	3.560.915.132	793.761.613
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	94.032.276.600	332.105.166
Sau năm năm	-	-
	<b>101.344.952.064</b>	<b>2.905.908.745</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	3.751.760.332	1.780.041.966
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>97.593.191.732</b>	<b>1.125.866.779</b>

303  
 TỔNG  
 PHÂN  
 ĐA CHI  
 CỔ  
 CỔ  
 17-T

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chiênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát
	VND	VND						VND	VND		VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2014	3.800.000.000.000	977.787.044	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(264.120.169)	2.526.156.314.757	962.866.860.541	1.014.770.873	2.036.381.182.804	210.122.568.769			
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	1.096.275.840.370	-	38.182.555.531	-	-
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	3.014.884.509	5.345.687.706	-	(8.360.572.215)	-	(3.490.631.739)	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(132.748.113.582)	-	(1.519.737.040.000)	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.931.466.342)	-	28.872.582	-	-
Tặng/(giảm) khác	-	1.419.695.143	-	-	263.400.375	(1.419.695.143)	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>3.800.000.000.000</b>	<b>2.397.482.187</b>	<b>21.179.913.858</b>	<b>(2.296.824.120)</b>	<b>(719.794)</b>	<b>2.527.751.504.123</b>	<b>968.212.548.247</b>	<b>1.014.770.873</b>	<b>1.469.879.831.035</b>	<b>216.801.330.136</b>			
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	-	-	-	968.212.548.247	(968.212.548.247)	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>3.800.000.000.000</b>	<b>2.397.482.187</b>	<b>21.179.913.858</b>	<b>(2.296.824.120)</b>	<b>(719.794)</b>	<b>3.495.964.052.370</b>	<b>1.014.770.873</b>	<b>1.469.879.831.035</b>	<b>216.801.330.136</b>				
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	768.305.186.749	-	17.110.093.177	-	-
Trích lập các quỹ (1)	-	-	-	-	-	1.460.247.085	-	-	(1.460.247.085)	-	(2.143.406.569)	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	-	-	-	(32.500.557.810)	-	(569.901.390.000)	-	-
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(12.419.382.656)	-	-
Chuyển quỹ	-	-	-	-	-	1.014.770.873	-	(1.014.770.873)	-	-	-	-	-
Tặng/(giảm) do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	-	(359.293.133)	-	-	-	(404.523.753)	-	-	1.191.693.014	-	4.178.337.972	-	-
(Giảm) do Công ty liên kết thay đổi số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	(10.560.943.778)	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>	<b>3.800.000.000.000</b>	<b>2.038.189.054</b>	<b>21.179.913.858</b>	<b>(2.296.824.120)</b>	<b>(719.794)</b>	<b>3.498.034.546.575</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.524.953.572.125</b>	<b>223.526.972.059</b>			

(1) Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 23/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty đã công bố chi trả cổ tức còn lại từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 là 569.901.390.000 đồng (1.500 đồng/cổ phần), (trong năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức lần 1 với tổng số tiền là 569.901.390.000 đồng tương ứng 1.500 đồng/cổ phần).

HỒ PHẢI  
G T  
Đ A  
O N  
Đ N  
54

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	380.000.000	380.000.000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.740	65.740
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	379.934.260	379.934.260
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.800.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</b>		<b>Vốn đã góp 30/6/2015</b>	<b>Vốn đã góp 31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.332.042.530.000	61,37	2.332.042.530.000	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	1.467.957.470.000	38,63	1.467.957.470.000	1.467.957.470.000
	<b>3.800.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>3.800.000.000.000</b>	<b>3.800.000.000.000</b>

**Biến động của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong kỳ như sau:**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư tại ngày 31/12/2014	162.791.200.000	2.305.307.509	9.586.028.093	7.436.761.863	975.756.536	33.706.276.135	216.801.330.136
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	7.436.761.863	(7.436.761.863)	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	162.791.200.000	2.305.307.509	17.022.789.956	-	975.756.536	33.706.276.135	216.801.330.136
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	17.110.093.177	17.110.093.177
Trích lập các quỹ	-	-	1.138.649.772	-	-	(1.138.649.772)	-
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.143.454.059)	(2.143.454.059)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(12.419.382.656)	(12.419.382.656)
Chuyển quỹ	-	-	975.756.536	-	(975.756.536)	-	-
Mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	3.207.000.000	359.293.133	404.523.751	-	-	207.568.577	4.178.385.461
Số dư tại ngày 30/6/2015	165.998.200.000	2.664.600.642	19.541.720.015	-	-	35.322.451.402	223.526.972.059

**26. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
Ngoại tệ các loại		
- USD	1.108.506	1.808.468
- EUR	31.961	33.658

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

**27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Tổng Công ty tổ chức bộ phận hoạt động kinh doanh trên cơ sở các đơn vị hoạt động tương đối riêng biệt về lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh. Các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất bao gồm: Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ và Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất và Dầu khí Đông Nam Bộ.
- Sản xuất bao bì bao gồm: Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
- Xây dựng công trình dân dụng và cung cấp dịch vụ khác bao gồm: Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam.

Các thông tin về bộ phận kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015:**

Tài sản	Kinh doanh phân bón và hóa chất VND	Sản xuất bao bì VND	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác VND	Điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	11.666.246.514.840	138.600.240.819	125.023.146.234	(1.802.315.176.074)	10.127.554.725.819
Đầu tư vào Công ty liên kết	662.700.000.000	-	-	(631.395.988.609)	31.304.011.391
<b>Tổng tài sản</b>	<b>12.328.946.514.840</b>	<b>138.600.240.819</b>	<b>125.023.146.234</b>	<b>(2.433.711.164.683)</b>	<b>10.158.858.737.210</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	2.927.604.517.281	81.127.245.054	44.677.708.160	(1.961.986.383.042)	1.091.423.087.453
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.927.604.517.281</b>	<b>81.127.245.054</b>	<b>44.677.708.160</b>	<b>(1.961.986.383.042)</b>	<b>1.091.423.087.453</b>



**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

**27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015:

	Kinh doanh phân bón và hóa chất VND	Sản xuất bao bì VND	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ VND	Điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.477.789.624.150	149.638.109.592	86.454.460.167	(6.538.730.087.309)	5.175.152.106.600
Các khoản giảm trừ doanh thu	94.073.890.430	-	-	(46.940.001.334)	47.133.889.096
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.383.715.733.720	149.638.109.592	86.454.460.167	(6.491.790.085.975)	5.128.018.217.504
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	9.956.473.044.992	129.685.087.970	73.908.855.645	(6.598.386.021.731)	3.561.680.966.876
Chi phí bán hàng	342.307.351.918	3.423.675.154	589.245.511	(3.037.217.068)	343.283.055.515
Chi phí quản lý doanh nghiệp	222.761.473.055	9.661.548.980	8.926.309.712	(9.926.509.779)	231.422.821.968
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>862.173.863.755</b>	<b>6.867.797.488</b>	<b>3.030.049.299</b>	<b>119.559.662.603</b>	<b>991.631.373.145</b>
Phản (lỗ) trong công ty liên kết					(167.986.199.299)
Doanh thu hoạt động tài chính					129.970.151.527
Chi phí tài chính					3.083.689.977
Lợi nhuận khác					2.071.832.157
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>					<b>952.603.467.553</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					144.602.590.265
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					22.585.597.362
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>785.415.279.926</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý:**

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu với doanh thu khoảng 75 tỷ đồng - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong kỳ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN**

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước VND	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VND	Tổng cộng VND
<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>			
Doanh thu thuần	3.719.293.696.569	1.408.724.520.935	5.128.018.217.504
Giá vốn hàng bán	(2.216.325.893.170)	(1.345.355.073.706)	(3.561.680.966.876)
<i>Trong đó: Hoàn nhập dự phòng</i>	<i>495.611.400</i>	<i>897.375.947</i>	<i>1.392.987.347</i>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.502.967.803.399</b>	<b>63.369.447.229</b>	<b>1.566.337.250.628</b>
<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>			
Doanh thu thuần	3.824.448.249.560	1.154.857.013.313	4.979.305.262.873
Giá vốn hàng bán	(2.541.189.563.255)	(1.121.057.424.046)	(3.662.246.987.301)
<i>Trong đó: Hoàn nhập dự phòng</i>	<i>7.819.667.278</i>	<i>1.269.838.498</i>	<i>9.089.505.776</i>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.283.258.686.305</b>	<b>33.799.589.267</b>	<b>1.317.058.275.572</b>

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	3.254.642.737.103	3.474.774.403.556
Doanh thu Ure Cà Mau	123.933.925.000	256.492.674.155
Doanh thu Amoniac	107.786.141.356	4.265.374.530
Doanh thu điện	709.596.932	623.071.381
Doanh thu khác	246.584.672.619	110.610.045.996
	<b>3.733.657.073.010</b>	<b>3.846.765.569.618</b>
Chiết khấu-thương mại	14.363.376.441	22.317.320.058
	<b>3.719.293.696.569</b>	<b>3.824.448.249.560</b>
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày ở Thuyết minh số 39)	<b>87.534.261.004</b>	<b>78.111.246.664</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.241.515.730.088	1.899.986.394.254
Chi phí nhân công	238.849.207.904	234.183.190.870
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	122.412.681.359	129.089.484.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	382.413.009.908	518.634.599.955
Chi phí khác bằng tiền	194.094.518.100	72.437.472.209
	<b>2.179.285.147.359</b>	<b>2.854.331.141.641</b>

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	128.543.853.890	145.115.778.937
Chênh lệch tỷ giá	1.426.297.637	521.609.353
	<b>129.970.151.527</b>	<b>145.637.388.290</b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.355.949.426	1.245.395.593
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.727.517.315	679.892.011
Khác	223.236	1.926.206
	<b>3.083.689.977</b>	<b>1.927.213.810</b>

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí vận chuyển, bốc xếp lưu kho	165.312.436.384	178.731.590.434
Chi phí an sinh xã hội	47.478.042.100	45.265.074.200
Chi phí quảng cáo, truyền thông	46.138.139.957	45.668.425.587
Các khoản chi phí bán hàng khác	84.354.437.074	75.678.458.033
	<b>343.283.055.515</b>	<b>345.343.548.254</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	77.920.319.880	77.054.358.884
Phí quản lý nộp Tập đoàn	15.604.057.564	20.041.618.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.003.548.684	44.564.697.563
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	92.894.895.840	112.267.779.681
	<b>231.422.821.968</b>	<b>253.928.454.435</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	144.602.590.265	89.470.399.334
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>144.602.590.265</b>	<b>89.470.399.334</b>

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)**

Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh phân đạm: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo (từ năm 2008). Kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là kỳ hoạt động đầu tiên Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất 15% cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh phân đạm.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>768.305.186.749</b>	<b>650.769.048.599</b>
- Tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(77.951.680.510)	(63.967.953.515)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>690.353.506.239</b>	<b>586.801.095.084</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	379.934.260	379.934.260
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.817</b>	<b>1.544</b>

**35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (trình bày lại)
	VND	VND
Trong vòng một năm	14.981.490.059	15.225.043.636
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	70.679.808.315	73.570.612.761
Sau năm năm	64.066.413.629	78.767.841.100
	<b>149.727.712.003</b>	<b>167.563.497.497</b>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Tổng Công ty và các đơn vị thành viên phải trả cho việc thuê đất để xây dựng nhà xưởng, kho bãi. Bao gồm các Hợp đồng thuê sau:

- Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Công ty mẹ đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004. Theo phụ lục hợp đồng số 135/PLHĐ/IZICO ký ngày 07/11/2013 thì từ năm 2014 trở đi, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất thô và phí sử dụng hạ tầng bằng VND vào ngày 15/02 hàng năm của năm thuê đất đó với số tiền mỗi năm phải trả là 666.524 USD.
- Ngày 14 tháng 5 năm 2014, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc - Công ty con của Tổng Công ty đã ký Phụ lục số 2 của Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VDKVN/PVFCCo North về việc thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Tổng diện tích thuê bao gồm 655 m<sup>2</sup> khu văn phòng và 55 m<sup>2</sup> khu phụ trợ với số tiền thuê là 274.300.000 VND/tháng.



**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

- Ngày 20 tháng 5 năm 2008, Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ ký Hợp đồng thuê 50.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê hàng năm là 70.000 USD/năm. Đơn giá đã được thay đổi theo Phụ lục hợp đồng số 01, theo đó kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đơn giá thuê đất là 1,65 USD/m<sup>2</sup> hay 82.500 USD/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 40 năm kể từ ngày thuê.
- Ngày 07 tháng 3 năm 2013, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ ký Hợp đồng thuê xưởng trộn hóa chất của Công ty TNHH Công nghiệp Tây Nam với tổng giá thuê là 167.360.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn 5 năm và kết thúc tại ngày 07 tháng 3 năm 2018.

**36. CAM KẾT VỐN**

- Theo Quyết định số 254/QĐ-PHBC ngày 12 tháng 8 năm 2013, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde cung cấp nguyên liệu để sản xuất phân Ure của Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Đạm Ninh Bình, Đạm Cà Mau và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ UFC85/Formaldehyde trong nước cho các lĩnh vực công nghiệp và đời sống với tổng mức đầu tư là 496.534.873.048 đồng, dự kiến thời gian thực hiện của dự án là 27,5 tháng. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 224.715.800.539 đồng.
- Theo Quyết định số 115/QĐ-PHBC ngày 08 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub> của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học, cung cấp và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ NH<sub>3</sub> và phân NPK trong nước với tổng mức đầu tư là 4.987.200.000.000 đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của dự án là Quý 2 năm 2017. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 24.382.002.017 đồng.

**37. CAM KẾT KHÁC**

Theo Phụ lục sửa đổi bổ sung số 04 của Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 5 năm 2010 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá khí được tính theo công thức tính giá khí được giao nhận tại điểm giao nhận khí như sau: Giá khí không bao gồm VAT (USD/MMBTU) = 46%\*Giá dầu trung bình MFOC + cước phí bể Cửu Long áp dụng cho nhà máy Đạm Phú Mỹ, với mức cước phí áp dụng cho năm 2015 là 0,92 USD/mmBTU.

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con.

*Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:*

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	142.352.526.643	94.646.779.668
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.327.392.852.447	5.078.299.954.021
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>9.067.435.649.757</u>	<u>9.004.939.836.545</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>(Phân loại lại)</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.327.392.852.447	5.078.299.954.021
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.000.000.000	77.119.148.009
Phải thu khách hàng và phải thu khác	528.224.036.461	316.359.282.671
Đầu tư tài chính dài hạn	20.166.129.714	20.166.129.714
<b>Tổng cộng</b>	<u>5.950.783.018.622</u>	<u>5.491.944.514.415</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	142.352.526.643	94.646.779.668
Phải trả người bán và phải trả khác	368.968.724.540	431.030.994.513
Chi phí phải trả	131.158.760.582	64.130.128.196
Dự phòng phải trả	98.437.863.196	217.455.312.628
<b>Tổng cộng</b>	<u>740.917.874.961</u>	<u>807.263.215.005</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro này có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu, và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) thì không có cổ phiếu nào suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty chỉ thực hiện trích dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư nêu trên với số tiền khoảng 336 triệu đồng

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty có một số khoản phải thu tồn đọng lâu ngày và khó có khả năng thu hồi. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ cho các khoản phải thu này với số tiền lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 121.591.707.289 VND.

65.  
ÔNG  
BÓN  
CÁ  
GT  
PHẢ  
HỒ

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.327.392.852.447	-	-	5.327.392.852.447
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	509.897.036.461	18.327.000.000	-	528.224.036.461
Đầu tư tài chính dài hạn	-	20.166.129.714	-	20.166.129.714
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.912.289.888.908</b>	<b>38.493.129.714</b>	<b>-</b>	<b>5.950.783.018.622</b>

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	44.759.334.911	97.593.191.732	-	142.352.526.643
Phải trả người bán và phải trả khác	368.968.724.540	-	-	368.968.724.540
Chi phí phải trả	131.158.760.582	-	-	131.158.760.582
Dự phòng phải trả	91.354.529.862	7.083.333.334	-	98.437.863.196
<b>Tổng cộng</b>	<b>636.241.349.895</b>	<b>104.676.525.066</b>	<b>-</b>	<b>740.917.874.961</b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>5.276.048.539.013</b>	<b>(66.183.395.352)</b>	<b>-</b>	<b>5.209.865.143.661</b>
-------------------------------------	--------------------------	-------------------------	----------	--------------------------

31/12/2014 (Phân loại lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.078.299.954.021	-	-	5.078.299.954.021
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.119.148.009	-	-	77.119.148.009
Phải thu khách hàng và phải thu khác	315.559.282.671	800.000.000	-	316.359.282.671
Đầu tư dài hạn khác	-	20.166.129.714	-	20.166.129.714
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.470.978.384.701</b>	<b>20.966.129.714</b>	<b>-</b>	<b>5.491.944.514.415</b>

31/12/2014 (Phân loại lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	93.520.912.889	1.125.866.779	-	94.646.779.668
Phải trả người bán và phải trả khác	431.030.994.513	-	-	431.030.994.513
Chi phí phải trả	64.130.128.196	-	-	64.130.128.196
Dự phòng phải trả	217.455.312.628	-	-	217.455.312.628
<b>Tổng cộng</b>	<b>806.137.348.226</b>	<b>1.125.866.779</b>	<b>-</b>	<b>807.263.215.005</b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>4.664.841.036.475</b>	<b>19.840.262.935</b>	<b>-</b>	<b>4.684.681.299.410</b>
-------------------------------------	--------------------------	-----------------------	----------	--------------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Các bên liên quan chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm:*Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Các Công ty liên kết  
Các Công ty cùng Tập đoàn*Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	36.629.743.600	35.929.643.146
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	26.463.332.385	30.918.070.084
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	6.552.238.000	2.258.952.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	3.597.799.200	5.961.904.762
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	9.267.628.324	3.005.795.243
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	5.023.519.495	36.881.429
	<b>87.534.261.004</b>	<b>78.111.246.664</b>
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	962.090.390.122	1.546.356.131.008
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	49.377.720.000	223.111.223.042
Công ty Cổ phần PVI	30.166.119.923	27.249.067.268
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) - PVC Mekong	-	20.267.329.380
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)	13.875.266.989	16.384.675.866
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVEIC)	2.346.761.536	8.688.136.728
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	1.243.671.839	2.279.654.776
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	12.661.654.894	5.429.445.802
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	-	1.402.279.803
	<b>1.071.761.585.303</b>	<b>1.851.229.142.100</b>
<b>Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</b>		
Cổ tức trả Tập đoàn	349.806.379.500	583.010.632.500
Phí Quản lý nợ Tập đoàn	15.604.057.564	20.041.618.307

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:*

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	1.243.245.960	44.000.000
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	4.774.900.596	4.665.206.304
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC	4.907.795.960	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	72.504.313	54.759.939
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	17.582.807	21.517.870
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	588.280.000	588.280.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	101.110.427	71.529.662
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	112.945.595	56.591.385
	<b>11.818.365.658</b>	<b>5.501.885.160</b>



**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau (Tiếp theo):*

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	4.860.607.417	5.022.403.817
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	3.257.280.000	21.517.870
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (EIC)	5.560.971.068	1.466.990.727
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh (PSI HCM)	-	339.312.227
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	-	143.534.819
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	-	171.918.298
	<b>13.678.858.485</b>	<b>7.165.677.758</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	110.143.267.289	110.143.267.289
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	101.207.873.164	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	12.792.091.037	12.792.091.037
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCbank)	1.861.805.555	2.611.370.336
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	17.879.716	265.472.068
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex)	-	162.745.673
	<b>226.022.916.761</b>	<b>125.974.946.403</b>
<b>Phải trả người bán</b>		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	86.265.072.197	200.708.559.394
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	-	-
Công ty Cổ phần PVI	6.273.819.665	1.645.686.651
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	8.722.947.420	11.979.477.462
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	2.301.144.698	1.827.295.621
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (EIC)	849.006.360	4.613.264.616
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí-tổng hợp (PTSC)	6.812.555.816	13.246.125.090
	<b>111.224.546.156</b>	<b>234.020.408.834</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	4.391.188.146	4.391.188.146
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	-	305.981.977
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	-	318.118.500
	<b>4.391.188.146</b>	<b>5.015.288.623</b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.310.127.468	32.058.808.019
	<b>7.310.127.468</b>	<b>32.058.808.019</b>

**40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 07 tháng 7 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã ra Quyết định thành lập Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí, đặt tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu. Chi nhánh sẽ chính thức hoạt động sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký hoạt động tại cơ quan đăng ký kinh doanh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

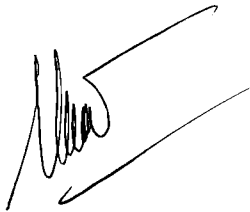
**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**41. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán và đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét. Một số số liệu đã được phân loại lại và trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



**Trần Xuân Thảo**  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 8 năm 2015



**Huỳnh Kim Nhân**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Tông**  
Phó Tổng Giám đốc

